



TẠP CHÍ KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

<http://vjes.vnies.edu.vn/>

TẠP CHÍ KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Tạp chí KHOA HỌC GIÁO DỤC Việt Nam

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Tập 21

Số S1

Năm 2025

TẬP 21 SỐ S1 NĂM 2025

Tòa soạn: 101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội • ĐT: (024) 3 942 4183 - (024) 3 942 2314 - (024) 3 942 3488

Fax: (024) 3 942 4183 • Website: <http://vjes.vnies.edu.vn> • Email: vjes@vnies.edu.vn

Tài khoản: 110000001487 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội

Giấy phép xuất bản số 197/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20 tháng 7 năm 2024

Thiết kế và chế bản: Minh Thu • In tại Công ty TNHH in TM&DV Nguyễn Lâm

Giá: 100.000 đồng

ISSN 2615 - 8957

Hội đồng Biên tập

NGUYỄN ĐỨC MINH (Chủ tịch)

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

NGUYỄN HỮU CHÂU

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

CHRISTINE CHEN

Hiệp hội Giáo dục Mầm non Singapore

PHẠM TẤT DONG

Hội Khuyến học Việt Nam

PHẠM MINH HẠC

Hội Cựu Giáo chức Việt Nam

TRẦN HUY HOÀNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

TRẦN KIỀU

Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam

WING ON LEE

Đại học Khoa học Xã hội Singapore

NGUYỄN LỘC

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

ROGER MOLTZEN

Trường Đại học Waikato, New Zealand

TRẦN CÔNG PHONG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

NILE STANLEY

Đại học Bắc Florida, Hoa Kỳ

LƯƠNG VIỆT THÁI

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

TRẦN THỊ TUYẾT

Đại học RMIT, Úc

LÊ ANH VINH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

FARRAH DINA YUSOP

Đại học Malaya, Malaysia

Tổng Biên tập

ĐINH ĐỨC TÀI

Trưởng Ban Biên tập

NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Trưởng Ban Trị sự và Truyền thông

LƯƠNG ĐÌNH HẢI

Tạp chí KHOA HỌC GIÁO DỤC Việt Nam

MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI

Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam công bố các kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn có chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: các nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu đánh giá, nghiên cứu triển khai và thực nghiệm, nghiên cứu định hướng. Các vấn đề như: lý thuyết và thực hành trong giảng dạy và học tập; chiến lược, chính sách và quản lý giáo dục; điều kiện đảm bảo chất lượng ở các bậc học và loại hình giáo dục là những chủ đề xuyên suốt được xuất bản trên Tạp chí.

Các loại hình bài viết được chấp nhận công bố trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam bao gồm: Nghiên cứu gốc (Original research); Tổng quan tài liệu (Review paper); Bài báo thực nghiệm (Experimental article); Bài báo về phương pháp luận (Methodology paper); Bài đánh giá (Review article); Nghiên cứu trường hợp (Case studies). Đối với mỗi loại hình bài viết, Tạp chí có quy định riêng về bố cục, cách trình bày và được hướng dẫn chi tiết trong Hướng dẫn dành cho tác giả.

MỤC LỤC

1	Đinh Thị Bích Loan, Phạm Thị Vân Chiến lược phát triển giáo dục quốc tế của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam INTERNATIONAL EDUCATION DEVELOPMENT STRATEGIES OF SOME COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM	1
2	Đỗ Trần Tuấn Anh, Lê Thị Thu Liễu Đánh giá kết quả học tập nhằm đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ Đại học: Một nghiên cứu tổng quan ASSESSING LEARNING OUTCOMES TO MEASURE THE ACHIEVEMENT OF GRADUATE ATTRIBUTES IN UNDERGRADUATE PROGRAMS: A LITERATURE REVIEW	9
3	Lương Minh Phương Những rào cản trong nghiên cứu thực địa và tầm quan trọng của năng lực văn hoá với sinh viên tham gia chương trình trao đổi tại các trường đại học Việt Nam BARRIERS IN FIELD RESEARCH AND THE IMPORTANCE OF CULTURAL COMPETENCE FOR EXCHANGE STUDENTS IN VIETNAMESE UNIVERSITIES	16
4	Phạm Thị Huyền, Nguyễn Vũ Tiến Đức, Nguyễn Hoàn Châu Anh, Nguyễn Đặng Phương Nam, Nguyễn Thảo Phương, Lê Thị Minh Anh Ảnh hưởng của Zombie học đường tới động lực và kết quả học tập tại các trường đại học Việt Nam THE IMPACT OF "ZOMBIE LEARNER" ON MOTIVATION AND ACADEMIC PERFORMANCE IN VIETNAMESE UNIVERSITIES	24
5	Ngô Huỳnh Hồng Nga, Võ Đoàn Thơ Nghiên cứu tổng quan về cảm xúc của giáo viên tiếng Anh A LITERATURE REVIEW ON ENGLISH LANGUAGE TEACHERS' EMOTIONS	36
6	Trần Doãn Phú Điểm thi tiếng Anh trung học phổ thông và chính sách tuyển dụng giảng viên: Cơ sở thực tiễn đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học HIGH SCHOOL ENGLISH EXAM SCORES AND FACULTY RECRUITMENT POLICIES: PRACTICAL BASIS FOR MAKING ENGLISH THE SECOND LANGUAGE IN HIGHER EDUCATION	45
7	Nguyễn Linh Phong Thực trạng dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam theo định hướng giáo dục Chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên: Một nghiên cứu trường hợp THE CURRENT STATE OF TEACHING THE COURSE "NATIONAL DEFENSE AND SECURITY GUIDELINES" OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM IN ALIGNMENT WITH PATRIOTIC EDUCATION FOR STUDENTS: A CASE STUDY	53
8	Hà Văn Thắng, Phan Thanh Hùng, Nguyễn Diễm My, Lê Thị Mơ Vận dụng quy trình tư duy thiết kế để tổ chức hoạt động học tập các chuyên đề Địa lí lớp 12 APPLYING THE DESIGN THINKING PROCESS TO ORGANIZE LEARNING ACTIVITIES FOR GRADE 12 GEOGRAPHY TOPICS	60
9	Phạm Thế Quân, Nguyễn Ngọc Tú, Đào Thị Hoa, Dương Thị Hà Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông: Nghiên cứu tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam CURRENT PRACTICES IN APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY IN HIGH SCHOOL MATHEMATICS TEACHING: A CASE STUDY IN SOME NORTHERN PROVINCES OF VIETNAM	69
10	Bùi Xuân Anh Ứng dụng lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân: Giải pháp thúc đẩy năng lực tự học APPLYING THE FLIPPED CLASSROOM MODEL IN CIVIC EDUCATION: A STRATEGY FOR ENHANCING SELF - LEARNING COMPETENCE	77
11	Giáp Bình Nga, Dương Anh Kim, Trần Thảo Linh, Trịnh Thị Thu Hiền Phát triển công cụ đo lường hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp STEM DEVELOPING MEASUREMENT TOOLS FOR STEM CAREER EXPERIENCE ACTIVITIES	86
12	Tạ Thanh Trung, Trương Đình Trung Năng lực tư duy tính toán của học sinh trong giáo dục STEM Robotics: Tổng quan và đề xuất khung năng lực cho học sinh Việt Nam COMPUTATIONAL THINKING COMPETENCY OF STUDENTS IN STEM ROBOTICS EDUCATION: AN OVERVIEW AND A PROPOSED COMPETENCY FRAMEWORK FOR VIETNAMESE STUDENTS	94
13	Nguyễn Thị Nga, Ngô Trần Quốc Duy, Phạm Văn Xuân, Đàm Khai Thành Dạy học hàm số bậc hai ở lớp 10 theo định hướng giáo dục STEM TEACHING QUADRATIC FUNCTIONS IN GRADE 10 WITH THE STEM EDUCATION APPROACH	104
14	Nguyễn Viết Dương, Phạm Huyền Trang Sử dụng phần mềm GEOGEBRA trong thiết kế mô hình và tổ chức dạy học khám phá chủ đề một số yếu tố thống kê (Lựa chọn biểu đồ để biểu diễn dữ liệu) cho học sinh lớp 8 USING GEOGEBRA SOFTWARE IN MODEL DESIGN AND THE ORGANIZATION OF DISCOVERY-BASED TEACHING ON THE TOPIC OF STATISTICAL ELEMENTS (SELECTING CHARTS FOR DATA REPRESENTATION) FOR GRADE 8 STUDENTS	111
15	Trần Minh Trí Giải pháp quản lí lớp học và rèn kĩ năng tự học cho học sinh tiểu học CLASSROOM MANAGEMENT SOLUTIONS AND DEVELOPING SELF-STUDY SKILL FOR ELEMENTARY SCHOOL STUDENTS	121
16	Lê Anh Tuấn Vận dụng phương pháp đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay trong dạy học môn Âm nhạc ở trường tiểu học APPLYING THE HAND SIGN METHOD IN MUSIC TEACHING AT ELEMENTARY SCHOOLS	130
17	Ngô Thị Kim Hoàn, Nghiêm Xuân Văn Anh, Vũ Hoàng Minh Anh, Nguyễn Bảo Yến Nhi, Nguyễn Thùy Trang Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ thiết kế học liệu giáo dục kĩ năng phòng tránh đuối nước cho học sinh tiểu học ... APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN SUPPORTING THE DESIGN OF EDUCATIONAL MATERIALS ON DROWNING PREVENTION SKILLS FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS	136
18	Nguyễn Minh Giang, Nguyễn Khánh Vy, Đoàn Thị Chi, Nguyễn Trúc Khanh, Ngô Thị Huyền Trang, Bùi Thùy Trang Thực trạng tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí trong các trường tiểu học ở khu vực Nam Bộ THE CURRENT STATE OF INTEGRATING DIGITAL CITIZENSHIP EDUCATION INTO TEACHING HISTORY AND GEOGRAPHY AT PRIMARY SCHOOLS IN SOUTHERN PROVINCE	144
19	Trương Đình Hoàng Thực trạng công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lí cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Trị THE CURRENT STATE OF REGULAR TRAINING FOR TEACHERS AND ADMINISTRATORS OF EARLY CHILDHOOD EDUCATION INSTITUTIONS IN QUANG TRI PROVINCE	153

HIGH SCHOOL ENGLISH EXAM SCORES AND FACULTY RECRUITMENT POLICIES: PRACTICAL BASIS FOR MAKING ENGLISH THE SECOND LANGUAGE IN HIGHER EDUCATION

Tran Doan Phu

Email: tdphu@thanhdouni.edu.vn

Thanh Do University
Kim Chung, Hoai Duc,
Hanoi, Vietnam

Received: 10/3/2025

Revised: 09/4/2025

Accepted: 12/5/2025

Published: 25/6/2025

Abstract: Making English the second language in higher education is not only a growing trend but also a necessary step toward advancing Vietnam's educational, economic, and social development. Although numerous studies have addressed the teaching and learning of academic subjects in English, there has been no academic study that examines the English proficiency of candidates in the national high school graduation examination as well as the faculty recruitment policies aimed at implementing the initiative of making English the second language at the university level in Vietnam. Drawing on data from the English section of the national high school graduation exam from 2017 to the present, as announced by the Ministry of Education and Training, this study uses statistical analysis to demonstrate several key trends: The national average English score has shown a consistent upward trajectory, projected to reach approximately 5.8 by 2025 and exceed 6.0 by 2026; significant differences exist in English proficiency among groups of candidates, although these differences have shown a slight decreasing trend; the number of candidates taking English in the national high school graduation examination has tended to increase year by year. Through synthesizing faculty recruitment announcements from various universities, this paper demonstrates that many higher education institutions in Vietnam have adopted recruitment policies prioritizing candidates capable of teaching in English, in alignment with the roadmap to make English the second language.

Keywords: *Second language, English exam score, high school graduation, score distribution, forecast, faculty recruitment, Vietnam.*

ĐIỂM THI TIẾNG ANH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG GIẢNG VIÊN: CƠ SỞ THỰC TIỄN ĐƯA TIẾNG ANH TRỞ THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI Ở BẬC ĐẠI HỌC

Trần Doãn Phú

Email: tdphu@thanhdouni.edu.vn

Trường Đại học Thành Đô
Kim Chung, Hoài Đức,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 10/3/2025

Chỉnh sửa xong: 09/4/2025

Chấp nhận đăng: 12/5/2025

Xuất bản: 25/6/2025

Tóm tắt: Việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học ở Việt Nam không chỉ là một xu hướng mà còn là một nhu cầu tất yếu để phát triển giáo dục, kinh tế và xã hội. Đã có nhiều bài viết về việc dạy và học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu trình độ tiếng Anh của các thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông cũng như chính sách tuyển dụng giảng viên nhằm thực hiện hóa chủ trương đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học ở Việt Nam. Dựa vào kết quả điểm thi môn tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến nay do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, bằng phương pháp thống kê toán học bài viết này đã chỉ ra rằng: điểm thi trung bình môn Tiếng Anh hằng năm có xu hướng tăng và dự báo năm 2025 có thể đạt khoảng 5.8 điểm và năm 2026 là hơn 6 điểm; trình độ tiếng Anh giữa các nhóm thí sinh có nhiều khác biệt và sự khác biệt này có xu hướng giảm nhẹ; số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông có xu hướng năm sau tăng hơn năm trước. Bằng phương pháp tổng hợp các thông báo tuyển dụng giảng viên của các trường đại học, bài viết chỉ ra rằng, các trường đại học ở Việt Nam đã có chính sách tuyển dụng giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

Từ khóa: *Ngôn ngữ thứ hai, điểm thi môn Tiếng Anh, tốt nghiệp Trung học phổ thông, phổ điểm, dự báo, tuyển dụng giảng viên, Việt Nam.*

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh ngày nay không chỉ là một ngoại ngữ đơn thuần mà đã trở thành một công cụ thiết yếu, đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật và xã hội trên toàn thế giới, vai trò của tiếng Anh càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Vì vậy, việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học trở thành vấn đề cấp thiết. Đã có nhiều bài viết về việc dạy và học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Bài viết của Lê Thị Tuyết Hạnh (2021) tập trung vào vấn đề phát triển nhân lực tham gia giảng dạy ở các chương trình dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh và đưa ra đề xuất nội dung cần tập huấn cho giáo viên chương trình này; Trần Thị Thanh Tâm (2025) nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên khối kỹ thuật thông qua thực hiện khảo sát đối với sinh viên ngành Công nghệ ô tô ở Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; Nghiên cứu của Nguyễn Thị Tố Hoa và Phạm Thị Tuyết Mai (2016) đã khảo sát giáo viên và sinh viên tại các trường đại học ở Hà Nội nhằm chỉ ra những thách thức trong việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành.... Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu trình độ tiếng Anh của các thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông - các tân sinh viên năm thứ nhất tương lại của các trường đại học. Trong khi đó đánh giá năng lực tiếng Anh của thí sinh trung học phổ thông lại là một yếu tố quan trọng trong lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học. Vì có xác định được năng lực tiếng Anh đầu vào thì các trường đại học mới có thể phân loại sinh viên thành các nhóm học tương thích. Từ đó thiết kế chương trình hỗ trợ, tăng cường trình độ tiếng Anh cho nhóm yếu và bắt đầu đào tạo chuyên môn bằng tiếng Anh cho nhóm đủ trình độ. Đồng thời, đây là căn cứ cho chính sách tuyển sinh của các trường đại học. Dựa vào kết quả điểm thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến nay do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, bằng phương pháp thống kê toán học, bài viết đưa ra đánh giá xu hướng điểm thi tiếng Anh trung bình, số lượng thí sinh dự thi môn tiếng Anh giai đoạn 2017 - 2024 cũng như dự báo cho một số năm tới. Bằng phương pháp tổng hợp các thông

báo tuyển dụng giảng viên của các trường đại học được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, bài viết chỉ ra rằng, các trường đại học ở Việt Nam đã có chính sách tuyển dụng giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai. Một số khuyến nghị để việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai được hiện thực hóa một cách sớm nhất cũng được đề cập đến trong bài viết.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số kết luận thu được qua phân tích điểm thi môn Tiếng Anh của các thí sinh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông trong các năm 2017 - 2024

2.1.1. Điểm thi môn tiếng Anh trung bình hàng năm có xu hướng tăng

Nếu kí hiệu điểm thi trung bình của các thí sinh môn Tiếng Anh toàn quốc trong một năm là $\bar{x}$, áp dụng cho Bảng 1, ta có công thức tính như sau:

$$\bar{x} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^{51} n_i x_i$$
 (Mai Chi & Trần Doãn Phú, 2008).

Trong đó, n là số thí sinh dự thi môn Tiếng Anh, n_i là số thí sinh đạt điểm x_i ($x_1 = 0, x_2 = 0.2, x_3 = 0.4, \dots, x_{51} = 10$). Sau khi tính toán, ta có điểm thi trung bình của các thí sinh môn Tiếng Anh toàn quốc các năm từ năm 2017 đến năm 2024 ở cột 3 trong Bảng 2.

Bằng cách sử dụng mô hình dự báo Holt-Wintes (Nguyễn Quang Dong, 2007; Nguyễn Quang Dong & Nguyễn Thị Minh, 2013) với sự trợ giúp của phần mềm Eviews 10 cho chuỗi số liệu điểm tiếng Anh trung bình trong Bảng 2 chúng ta có kết quả sau:

Date: 02/05/25 Time: 09:37		
Sample: 2017 2024		
Included observations: 8		
Method: Holt-Winters No Seasonal		
Original Series: TB		
Forecast Series: TBSM		
Parameters:	Alpha	0.1700
	Beta	0.7201
Sum of Squared Residuals		1.997154
Root Mean Squared Error		0.499644
End of Period Levels:	Mean	5.680591
	Trend	0.160299

Ở đây, biến dự báo là điểm tiếng Anh trung bình và được kí hiệu là TB. Hệ số xu hướng Trend = 0.160299 mang dấu dương cho ta biết điểm thi trung bình hàng năm của môn tiếng Anh có xu hướng tăng lên. Đây là tín hiệu tích cực để chúng ta thực hiện chủ trương đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học ở Việt Nam. Dưới đây là dự báo điểm thi tiếng Anh trung bình cho năm 2025 và năm 2026.

- Điểm tiếng Anh trung bình cho năm 2025 được dự báo là $5.680591 + 0.160299 = 5.840890$.

- Điểm tiếng Anh trung bình cho năm 2026 được dự báo là $5.680591 + 2 \times 0.160299 = 6.001189$.

Như vậy, điểm thi tiếng Anh trung bình năm 2025 và 2026 dự báo có thể đạt lần lượt là 5.840890 và 6.001189 điểm nếu mức độ khó của đề thi không có gì thay đổi.

Điểm thi tiếng Anh trung bình của các thí sinh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ngày một tăng lên. Có được điều này vì các trường phổ thông các cấp đã tăng cường đầu tư vào đội ngũ giáo viên, tài liệu giảng dạy môn tiếng Anh. Bên cạnh đó, sự phổ biến của các trung tâm ngoại ngữ ngoài nhà trường và các kì thi chuẩn hóa quốc tế như IELTS, TOEIC cũng giúp học sinh có thêm động lực và cơ

hội tiếp cận tiếng Anh thực tiễn sớm hơn. Ngoài ra, với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc học tiếng Anh trực tuyến qua các ứng dụng và nền tảng học tập cũng trở nên phổ biến hơn, đặc biệt trong và sau giai đoạn đại dịch. Một nguyên nhân không thể không nói đến là học sinh cũng như phụ huynh đã nhận thức được tầm quan trọng của môn Tiếng Anh. Những yếu tố này kết hợp lại góp phần nâng cao chất lượng học tập và kết quả thi môn Tiếng Anh trong những năm gần đây và những năm sắp tới. Đây là cơ sở để chúng ta thực hiện lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học.

2.1.2. Trình độ tiếng Anh giữa các nhóm thí sinh có nhiều khác biệt và sự khác biệt này có xu hướng giảm nhẹ

Về mặt lí thuyết, các bài thi tốt nghiệp Trung học phổ thông nói chung, bài thi môn Tiếng Anh nói riêng là theo hình thức NRT (Norm referenced test) (Lin A. Bond, 1996; Phạm Hiệp, 2015; Trần Doãn Phú & Vũ Công Tuyên, 2023) nên phổ điểm của bài thi phải có hình “quả chuông” (Bell curve) đối xứng, hay theo phân phối chuẩn (Normal distribution).

Tuy nhiên, ta thấy phổ điểm thi môn Tiếng Anh các năm từ 2017 đến 2024 đều có hình bất đối xứng (xem Hình 1), đặc biệt là năm 2021 phổ điểm có hình

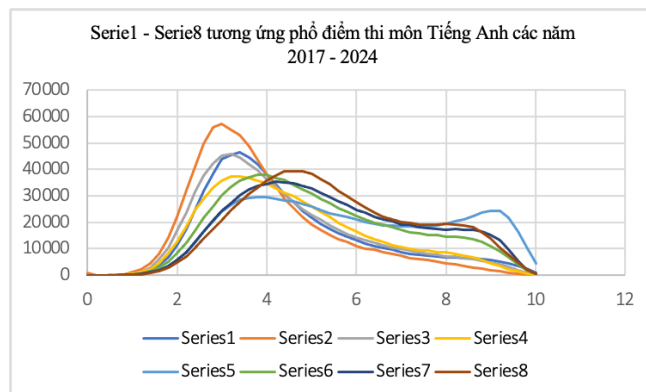
Bảng 1: Điểm thi môn Tiếng Anh trong kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến năm 2024

TT	Điểm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	0	465	732	0	13	1	13	6	14
2	0.2	5	4	0	1	0	0	1	0
3	0.4	2	19	5	5	0	4	0	1
4	0.6	33	94	33	30	3	23	12	8
5	0.8	120	294	123	102	34	112	38	31
6	1.0	436	1046	469	392	106	271	135	91
7	1.2	978	2158	1324	1099	361	678	362	272
8	1.4	1965	4338	2864	2263	713	1374	1022	737
9	1.6	3797	8012	5952	4431	1691	2927	1966	1527
10	1.8	6798	14062	10310	8283	3302	5113	3410	2731
11	2.0	11364	22001	16722	12427	5868	8263	5852	4750
12	2.2	17445	32067	23658	18461	8732	12251	8734	7201
13	2.4	24635	41007	31481	24565	12280	16803	12421	10147
14	2.6	31797	49829	37599	29001	16517	21590	16601	13744
15	2.8	38270	55797	42348	33167	20419	26029	20744	17342
16	3.0	43837	57320	45297	35670	23980	30207	24243	20894

TT	Điểm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
17	3.2	45457	55116	45755	37285	26527	33323	27391	24530
18	3.4	46469	52934	44476	37335	28537	35634	30085	27645
19	3.6	44423	48729	41861	36730	29183	36884	32408	30721
20	3.8	42044	43562	39542	35597	29498	38064	33932	33106
21	4.0	38246	38263	36385	34627	29505	37883	34393	35709
22	4.2	34348	33672	33410	32682	28943	36594	35450	37736
23	4.4	30610	29022	30588	31295	28317	35940	34992	39217
24	4.6	27659	25326	27458	29713	27791	34027	34848	39458
25	4.8	24312	21931	24979	27816	26867	32576	33738	39249
26	5.0	21735	19140	22630	26106	25860	30700	32844	38239
27	5.2	19436	17160	20989	23932	24631	29044	31110	36422
28	5.4	17568	15128	18710	22050	23337	27268	29487	34366
29	5.6	15711	13665	17283	19904	22660	25439	27915	31976
30	5.8	14563	12684	15464	18173	21964	23862	26531	29865
31	6.0	13094	11102	14288	16453	21090	22414	24751	27737
32	6.2	12020	10019	13145	14850	20102	21222	23612	25564
33	6.4	11025	9536	12173	13674	19403	19744	22103	23726
34	6.6	10374	8681	11343	12482	18911	18991	21201	22046
35	6.8	9541	7877	10405	11427	18665	18071	20276	21212
36	7.0	8783	7235	9834	10650	18354	17093	19147	20141
37	7.2	8180	6537	9274	10106	18464	16295	18972	19685
38	7.4	7755	6039	8552	9461	18219	15800	18126	18999
39	7.6	7464	5652	7990	9403	18498	15355	17946	19220
40	7.8	7108	4943	7612	8779	18915	15135	17575	19208
41	8.0	6793	4507	7108	8543	19319	14689	17236	19442
42	8.2	6567	3966	6970	8062	20258	14546	17512	19246
43	8.4	6430	3399	6416	7478	21176	14191	17022	18918
44	8.6	6256	2921	6045	6653	22490	13702	17120	18137
45	8.8	5977	2339	5378	5735	23724	12652	16526	16299
46	9.0	5592	1914	4845	4532	24471	11115	15248	13738
47	9.2	5091	1383	3968	3325	24251	9070	13262	10407
48	9.4	4414	848	3133	2253	21582	6757	9620	7557
49	9.6	3559	479	1976	1367	16586	4111	5460	4787
50	9.8	2344	214	939	672	10543	1824	2222	2189
51	10	996	76	299	225	4345	425	494	565

(Nguồn: Tổng hợp từ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông)

yên ngựa rất bất thường. Trong Hình 1 dưới đây, trục tung biểu diễn số lượng thí sinh còn trục hoành biểu diễn số điểm đạt được.



Hình 1: Phổ điểm thi môn Tiếng Anh từ năm 2017 đến năm 2024

Lí do khiến phổ điểm thi môn Tiếng Anh có hình bất đối xứng vì trình độ tiếng Anh của các thí sinh quá khác biệt. Nhóm thí sinh ở các thành phố lớn, được chuẩn bị kĩ càng, có mục đích thi điểm thi khá cao, nhóm còn lại kết quả kém hơn hẳn. Rất may, dưới đây ta sẽ thấy sự khác biệt này có xu hướng ngày càng giảm.

Lí thuyết xác suất và thống kê Toán (Mai Chi & Trần Doãn Phú, 2008) chỉ ra rằng, phương sai của một bảng số liệu là số đặc trưng cho độ phân tán của các số liệu so với số trung bình của nó. Áp dụng vào vấn đề nghiên cứu của chúng ta thì khi phương sai càng lớn, sự khác biệt về trình độ tiếng Anh của

Bảng 2: Số lượng thí sinh thi môn Tiếng Anh và một số thống kê cơ bản

Năm	Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh	Điểm Tiếng Anh trung bình	Phương sai
2017	753891	4.4591	3.3650
2018	814779	3.9146	2.4893
2019	789408	4.3581	3.2603
2020	749285	4.5779	3.2522
2021	866993	5.8418	4.8874
2022	866098	5.1467	3.7738
2023	876102	5.4737	3.6324
2024	906552	5.5126	3.5239

các thí sinh càng nhiều. Nếu kí hiệu phương sai của điểm thi môn Tiếng Anh toàn quốc trong một năm là s^2 ta có công thức tính như sau (Mai Chi & Trần Doãn Phú, 2008):

$$s^2 = \frac{1}{n-1} \left(\sum_{i=1}^{51} n_i x_i^2 - n \bar{x}^2 \right)$$

Dựa vào số liệu trong Bảng 1, ta tính được phương sai của điểm thi môn Tiếng Anh các năm ở cột 4 trong Bảng 2.

Bằng cách sử dụng mô hình dự báo Holt - Wintes với sự trợ giúp của phần mềm Evews 10 cho chuỗi số liệu phương sai trong Bảng 2, chúng ta được kết quả sau:

Date: 02/04/25 Time: 21:24

Sample: 2017 2024

Included observations: 8

Method: Holt-Winters No Seasonal

Original Series: PS

Forecast Series: PSSM

Parameters:	Alpha	0.1600
	Beta	1.0000
Sum of Squared Residuals		4.347743
Root Mean Squared Error		0.737203

End of Period Levels:	Mean	4.083175
	Trend	-0.037552

Ở đây, biến dự báo là phương sai và được kí hiệu là PS. Hệ số xu hướng Trend = - 0.037552 mang dấu âm cho ta biết phương sai của điểm số môn tiếng Anh ngày một giảm, nghĩa là sự khác biệt về trình độ tiếng Anh giữa các thí sinh trong các năm tiếp theo có xu hướng giảm. Điều này giúp chúng ta phần nào yên tâm thực hiện chủ trương đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học. Để có cái nhìn cụ thể hơn, dựa vào kết quả trên ta đi dự báo phương sai của điểm số môn Tiếng Anh cho năm 2025 và năm 2026:

- Phương sai của điểm số môn Tiếng Anh năm 2025 được dự báo là $4.083175 - 0.037552 = 4.045623$;

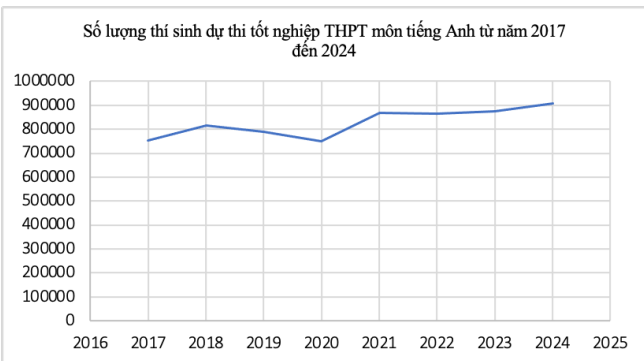
- Phương sai của điểm số môn Tiếng Anh năm 2026 được dự báo là $4.083175 - 2 \times 0.037552 = 4.008071$.

Như vậy, phương sai của điểm số môn Tiếng Anh hàng năm có giảm nhưng vẫn còn khá lớn. Kết quả trên cho phép chúng ta dự báo rằng: sự khác biệt về trình độ tiếng Anh giữa các nhóm thí sinh trong một vài năm tiếp theo tuy có giảm nhưng còn chậm.

Mức độ chênh lệch điểm số này có nguyên nhân là sự không đồng đều về điều kiện học tập giữa các nhóm học sinh, đặc biệt giữa thành thị và các vùng sâu vùng xa có điều kiện kinh tế khó khăn. Điều này đặt cho chúng ta bài toán bằng cách nào đó phải từng bước nâng trình độ tiếng Anh của các học sinh ở những vùng khó khăn lên tiệm cận với trình độ của các học sinh ở các thành phố lớn. Đây vừa là vấn đề công bằng xã hội vừa là điều kiện giúp chúng ta thực hiện thành công chủ trương đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học.

2.1.3. Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hằng năm có xu hướng tăng

Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hằng năm ở cột 2 Bảng 2 được tổng hợp từ Bảng 1. Nhìn vào đồ thị trong Hình 2, ta thấy số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến 2024 có xu hướng năm sau tăng hơn năm trước. Điều này chứng tỏ các tân sinh viên tương lai ngày càng ý thức được tầm quan trọng của môn Tiếng Anh.



Hình 2: Số lượng thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tiếng Anh từ năm 2017 đến 2024

Để có kết luận khách quan về xu hướng trên, chúng ta sẽ sử dụng mô hình dự báo Holt-Wintes với sự trợ giúp của phần mềm Evews 10 cho chuỗi số liệu số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến năm 2024 trong Bảng 2 và được kết quả sau:

Date: 02/05/25 Time: 10:56
Sample: 2017 2024
Included observations: 8
Method: Holt-Winters No Seasonal
Original Series: SLTSTA
Forecast Series: SLTSTASM

Parameters:	Alpha	0.1200
	Beta	0.8400
Sum of Squared Residuals		1.12E+10
Root Mean Squared Error		37493.62
End of Period Levels:	Mean	909028.7
	Trend	18121.65

Ở đây, biến dự báo là số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh và được kí hiệu là SLTSTA. Hệ số xu hướng Trend = 18121.65 mang dấu dương cho ta biết số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh hằng năm có xu hướng tăng lên. Dưới đây, ta sẽ dự báo số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh cho năm 2025 và năm 2026:

- Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh năm 2025 được dự báo là $909028.7 + 18121.65 \approx 927150$ em;
- Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh năm 2026 được dự báo là $909028.7 + 2 \cdot 18121.65 \approx 945272$ em.

Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hằng năm tăng giúp các trường đại học tăng khả năng tuyển được những thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt hơn phục vụ cho mục đích đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học.

Như vậy, dựa vào kết quả điểm thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông từ năm 2017 đến nay do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, bằng phương pháp thống kê toán học chúng ta đã đưa ra được kết luận: Khả năng tiếng Anh của các thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông trong những năm vừa qua và trong thời gian tới ngày một tốt hơn cũng như sự khác biệt về trình độ tiếng Anh giữa các nhóm thí sinh ngày một giảm. Điều này là cơ sở để các trường đại học tự tin thực hiện lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

2.2. Khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh đang trở thành tiêu chí quan trọng để nhiều trường đại học tuyển dụng giảng viên

Các trường đại học trong cả nước đều đã và đang có sự chuẩn bị để sẵn sàng thực hiện chủ trương đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai. Khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh đang trở thành một tiêu chí quan trọng trong chính sách tuyển dụng giảng viên của nhiều trường đại học. Ta thấy rõ điều này qua các thông báo tuyển dụng giảng viên của các trường đại học được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Trong thông báo tuyển dụng viên chức ngày 14 tháng 10 năm 2024, Trường Đại học Thương Mại yêu cầu các ứng viên các bộ môn thuộc khối ngành Kinh tế phải có chứng chỉ tiếng Anh IELTS ≥ 7.0 hoặc TOEFL iBT ≥ 94 ; các bộ môn Toán, Tin phải có chứng chỉ tiếng Anh IELTS ≥ 5.5 hoặc TOEFL iBT ≥ 46 ; bộ môn Kinh tế chính trị phải có chứng chỉ tiếng Anh IELTS ≥ 5.0 hoặc TOEFL iBT ≥ 35 .

Trong thông báo Tổ chức tuyển công chức của Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 2023, tiêu chuẩn ngoại ngữ cho vị trí giảng viên là: “Có trình độ tiếng Anh bậc 4 (B2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có bằng cử nhân ngoại ngữ, sư phạm ngoại ngữ, ...”.

Trong thông báo tuyển lao động hợp đồng vị trí giảng viên trợ giảng các môn chuyên ngành năm 2024 của Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế ngày 09 tháng 7 năm 2024 yêu cầu: “Có chứng chỉ tiếng Anh IELTS tối thiểu 5.5 trở lên đang còn thời hạn ...”.

Trong thông báo tuyển dụng công chức ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, trợ giảng khoa Công nghệ điện tử phải có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tối thiểu TOEIC 750 hoặc tương đương; giảng viên khoa Công nghệ hóa học phải có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tối thiểu IELTS 6.0 hoặc tương đương.

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội tuyển dụng giảng viên là Tiến sĩ, nghiên cứu sinh (năm cuối), ưu tiên ứng viên được đào tạo tại các nước tiên tiến, có chuyên ngành phù hợp được đào tạo bằng tiếng Anh.

Khoa Kinh tế và Kinh doanh - Trường Đại học Phenikaa thông báo tuyển dụng giảng viên chuyên ngành yêu cầu với vị trí Chủ nhiệm bộ môn/Giảng viên tiếng Anh IELTS 7.0 hoặc TOEFLS 94 (không yêu cầu nếu được đào tạo ở nước ngoài bằng tiếng Anh); Ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng Anh ...

Ở chiều ngược lại, nếu trường đại học có những lớp hoặc chương trình dạy và học hoàn toàn bằng tiếng Anh sẽ thu hút được sinh viên và giảng viên nước ngoài. Điều này góp phần tăng thêm uy tín và khả năng hội nhập của trường.

3. Thảo luận

Phân tích dữ liệu điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tiếng Anh từ năm 2017 đến 2023 cho thấy xu hướng điểm trung bình tăng dần qua các năm, trong khi phương sai tuy giảm nhưng vẫn

ở mức khá cao. Những kết quả này gợi mở một số vấn đề cần được quan tâm trong công tác dạy và học tiếng Anh ở trường phổ thông.

Thứ nhất, sự gia tăng của điểm trung bình phản ánh những nỗ lực tích cực trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy tiếng Anh, bao gồm việc tăng cường đào tạo giáo viên, sử dụng công nghệ trong dạy học và tiếp cận ngày càng phổ biến với các kì thi quốc tế.

Thứ hai, phương sai điểm số còn cao cho thấy sự chênh lệch lớn giữa các nhóm học sinh. Điều này phản ánh sự bất bình đẳng về điều kiện học tập như sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa học sinh trường chuyên và không chuyên, hoặc giữa các vùng có và không có điều kiện học tiếng Anh tăng cường. Nếu không có giải pháp phù hợp thì khoảng cách này sẽ tiếp tục kéo dài, ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào của các trường đại học dẫn đến làm chậm lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở Việt Nam.

Một số hạn chế của nghiên cứu là chỉ dựa trên điểm thi Trung học phổ thông (một kì thi có thể biến đổi do chính sách), không có dữ liệu định tính (phỏng vấn, điều tra động cơ) để hiểu rõ về năng lực tiếng Anh của thí sinh. Mô hình dự báo Holt-Winters cũng có thể sai lệch nếu bối cảnh như chính sách giáo dục, ảnh hưởng của công nghệ, các yếu tố xã hội hay cấu trúc đề thi thay đổi.

4. Kết luận và khuyến nghị

Qua phân tích kết quả thi môn Tiếng Anh của các thí sinh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông trong các năm 2017 - 2024, ta thấy kiến thức về tiếng Anh của các thí sinh ngày càng được nâng cao, thể hiện qua điểm thi trung bình năm sau tăng hơn năm trước, sự chênh lệch trình độ giữa các nhóm thí sinh ngày một thu hẹp. Số lượng thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hàng năm tăng. Các trường đại học cũng đang khẩn trương tuyển dụng những giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh. Từ những kết luận trên, chúng ta hoàn toàn có thể ngay từ bây giờ từng bước thực hiện chủ trương đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học - một chủ trương mang tầm chiến lược. Để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học, tác giả có một số đề xuất như sau:

- Các trường đại học phải có lộ trình cụ thể, chẳng hạn ngay từ năm học này mỗi trường phải có ít nhất một lớp học hoàn toàn bằng tiếng Anh, mỗi giảng viên đăng kí dạy ít nhất một học phần bằng tiếng Anh, chuẩn đầu ra của sinh viên phải có ít nhất hai

học phần học hoàn toàn bằng tiếng Anh.

- Phải tuân thủ đúng một yêu cầu quan trọng trong học chế tín chỉ là đề cao khả năng tự học của sinh viên: Một giờ học trên lớp phải có hai giờ tự học ở nhà. Giảng viên phải tự học để giảng dạy được bằng tiếng Anh, làm tấm gương sáng cho sinh viên noi theo.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên bằng cách: Tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh và phương pháp giảng dạy cho giảng viên; có chính sách thu hút các giảng viên giỏi từ nước ngoài hoặc các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực giảng viên khách quan, minh bạch trong đó giảng dạy bằng tiếng Anh là một tiêu chí quan trọng.

- Tham khảo và áp dụng các chương trình tiếng Anh tiên tiến của các trường đại học trong nước và trên thế giới.

- Giảng viên dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh phải soạn bài giảng bằng tiếng Anh một cách dễ

hiểu nhất để phát cho sinh viên trước buổi học đầu tiên của lớp.

- Khuyến khích sinh viên tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh để có cơ hội giao tiếp và thực hành.

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động bằng tiếng Anh để tạo môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học quốc tế để trao đổi sinh viên, giảng viên.

- Cấp học bổng, hỗ trợ cho sinh viên có thành tích học tập tốt môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc Đại học ở Việt Nam là yêu cầu tất yếu khách quan, không thể đảo ngược. “Nếu bây giờ không đặt ra và bắt đầu làm thì chẳng bao giờ đạt được” (Hạ Anh & Thanh Hùng, 2025).

Lời cảm ơn: Tác giả trân trọng cảm ơn Ban tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia “Hướng tới mục tiêu Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học: Các cơ sở giáo dục và đội ngũ nhà giáo cần chuẩn bị những gì?” đã tổ chức cho chúng tôi một diễn đàn khoa học lí thú và bổ ích.

Tài liệu tham khảo

- Bond, L. A. (1996). Norm-and criterion-referenced testing. *Practical Assessment, Research, and Evaluation*, 5(1), 2. Published by University of Massachusetts Amherst Libraries.
- Hạ Anh & Thanh Hùng. (2025). Bộ trưởng Giáo dục giải thích lộ trình đưa tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2. *Báo điện tử Vietnamnet*. Retrieved from <https://vietnamnet.vn/bo-truong-giao-duc-giai-thich-lo-trinh-dua-tieng-anh-la-ngon-ngu-thu-2-327239.html>.
- Lê Thị Tuyết Hạnh. (2021). Chương trình dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới: Thực trạng áp dụng và đề xuất cải tiến. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 37, tr.60-63.
- Mai Chi & Trần Doãn Phú. (2008). *Lí thuyết xác suất và thống kê toán*. NXB Thống kê.
- Nguyễn Quang Dong. (2007). *Kinh tế lượng chương trình nâng cao*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Quang Dong & Nguyễn Thị Minh. (2013). *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thị Tố Hoa & Phạm Thị Tuyết Mai. (2016). Difficulties in teaching English for specific purposes: Empirical study at Vietnam Universities. *Higher Education Studies*, 6(2), p.154-161.
- Phạm Hiệp. (2015). *Thế nào là một phở điểm đẹp?* Báo điện tử Tia Sáng. Retrieved from <https://tiasang.com.vn/-giao-duc/The-nao-la-mot-pho-diem-dep-8947>.
- Trần Doãn Phú - Vũ Công Tuyên. (2023). Tiêu chuẩn định lượng cho một bảng điểm kết thúc học phần đẹp. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 2(1), tr.35-40.
- Trần Thị Thanh Tâm. (2025). Yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng anh chuyên ngành của sinh viên khối kĩ thuật: Nghiên cứu trường hợp tại trường đại học Công nghệ Đồng Nai. *Tạp chí Giáo dục*, 25(1), tr.59-64.